

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG

Số: 81/2025/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ – TP .

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Ông **Đỗ Thế V**, sinh năm: 1982

Trú Tại: Tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng;

- Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm: 1988

Trú Tại: Tổ C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Đỗ Thế V và bà Nguyễn Thị Bích T kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng có nhiều điểm không hợp và thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xung đột, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói

chung nên hai vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông V và bà T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Đỗ Nguyễn Ngọc H, sinh ngày: 23/8/2008, Đỗ Nguyễn Khánh L, sinh ngày: 13/5/2011 và Đỗ Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/11/2017. Ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận; giao con Đỗ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13/5/2011 cho ông Đỗ Thế V được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, giao hai con Đỗ Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/8/2008 và Đỗ Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí Tòa án: Ông Đỗ Thế V và bà Nguyễn Thị Bích T mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Thế V và bà Nguyễn Thị Bích T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận; giao con Đỗ Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13/5/2011 cho ông Đỗ Thế V được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, giao hai con Đỗ Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/8/2008 và Đỗ Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Đỗ thế V và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện chịu. Ông V và bà T đã nộp đủ lệ phí theo biên lai số 0009602 ngày 14/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP ..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng;
Số 59, quyền số 01;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm